

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ HẢI TIẾN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1322/QĐ-UBND

Hải Tiến, ngày 14 tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Bổ sung dự toán năm 2025 kinh phí thực hiện một số nhiệm vụ, chế độ, chính sách cho các đơn vị dự toán thuộc UBND xã Hải Tiến

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ HẢI TIẾN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Thông tư số 88/2024/TT-BTC ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;

Căn cứ Quyết định 339/QĐ-UBND ngày 30/7/2025 của UBND tỉnh Ninh Bình về việc giao dự toán cho ngân sách xã, phường trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 14/8/2025 của HĐND xã Hải Tiến về việc quyết định phân bổ dự toán ngân sách địa phương xã Hải Tiến năm 2025 sau sắp xếp;

Căn cứ Quyết định số 808/QĐ-UBND ngày 15/8/2025 của UBND xã Hải Tiến về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước trên địa bàn xã Hải Tiến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 803/QĐ-UBND ngày 24/9/2025 của UBND tỉnh Ninh Bình về việc phân bổ, giao dự toán chi ngân sách tỉnh năm 2025 cho UBND các xã, phường để thực hiện một số nhiệm vụ, chế độ, chính sách;

Căn cứ Quyết định số 1005/QĐ-UBND ngày 14/10/2025 của UBND tỉnh Ninh Bình về việc phân bổ, giao dự toán chi ngân sách tỉnh năm 2025 cho UBND các xã, phường để thực hiện chính sách hỗ trợ địa phương sản xuất lúa;

Căn cứ Quyết định số 1281/QĐ-UBND ngày 31/10/2025 của UBND tỉnh Ninh Bình về việc phân bổ, giao dự toán kinh phí ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu năm 2025 cho cơ quan, đơn vị để thực hiện nhiệm vụ;

Căn cứ Quyết định số 1335/QĐ-UBND ngày 06/11/2025 của UBND tỉnh Ninh Bình về việc phân bổ, giao dự toán chi ngân sách tỉnh năm 2025 cho UBND các xã, phường để thực hiện một số nhiệm vụ, chế độ, chính sách;

Căn cứ Quyết định số 1437/QĐ-UBND ngày 11/11/2025 của UBND tỉnh Ninh Bình về việc phân bổ, giao bổ sung dự toán chi ngân sách tỉnh năm 2025 cho các cơ quan, đơn vị để tổ chức Đại hội Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp tỉnh Ninh Bình nhiệm kỳ 2025 - 2030;

Xét Tờ trình số 305/TTr- KT ngày 11/11/2025 của Phòng kinh tế xã Hải Tiến.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ sung dự toán năm 2025 cho các đơn vị dự toán, tổng số tiền: 8.293.683.000 đồng (Bằng chữ: Tám tỷ hai trăm chín mươi ba triệu, sáu trăm tám mươi ba nghìn đồng chẵn).

cụ thể như sau:

1. Văn phòng Đảng uỷ: 587.000.000 đồng

Nguồn kinh phí: Ngân sách cấp trên hỗ trợ.

- Kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ (KP hỗ trợ đảm bảo cơ sở vật chất phục vụ sắp xếp, tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính và XD mô hình chính quyền địa phương 2 cấp): 400.000.000 đồng. (Bốn trăm triệu đồng chẵn).

- Kinh phí để thực hiện một số nhiệm vụ, chế độ, chính sách (KP đảm bảo phụ cấp và các khoản đóng góp tăng thêm cho cán bộ không chuyên trách cấp xã và thôn xóm): 187.000.000 đồng (Một trăm tám mươi bảy triệu đồng chẵn).

2. Ủy ban MTTQ xã: 334.000.000 đồng

Nguồn kinh phí: Ngân sách cấp trên hỗ trợ.

- Kinh phí để thực hiện một số nhiệm vụ, chế độ, chính sách (KP đảm bảo phụ cấp và các khoản đóng góp tăng thêm cho cán bộ không chuyên trách cấp xã và thôn xóm): 134.000.000 đồng. (Một trăm ba mươi bốn triệu đồng chẵn).

- Kinh phí để tổ chức Đại hội Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp tỉnh Ninh Bình nhiệm kỳ 2025- 2026: 200.000.000 đồng. (Hai trăm triệu đồng chẵn).

3. Văn phòng HĐND - UBND xã: 799.000.000 đồng

Nguồn kinh phí: Ngân sách cấp trên hỗ trợ.

- Kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ (KP hỗ trợ đảm bảo cơ sở vật chất phục vụ sắp xếp, tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính và XD mô hình chính quyền địa phương 2 cấp): 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng chẵn).

- Kinh phí để thực hiện một số nhiệm vụ, chế độ, chính sách (KP đảm bảo chế độ phụ cấp đối với DQTV): 162.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi hai triệu đồng chẵn).

- Kinh phí để thực hiện một số nhiệm vụ, chế độ, chính sách (KP thực hiện quốc phòng, công tác tuyển quân): 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng chẵn/).

- Kinh phí để thực hiện một số nhiệm vụ, chế độ, chính sách (KP đảm bảo phụ cấp và các khoản đóng góp tăng thêm cho cán bộ không chuyên trách cấp xã và thôn xóm): 187.000.000 đồng (Một trăm tám mươi bảy triệu đồng chẵn).

4. Phòng kinh tế xã : 2.275.683.000 đồng

Nguồn kinh phí: Ngân sách cấp trên hỗ trợ.

- Kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ (KP hỗ trợ đảm bảo cơ sở vật chất phục vụ sắp xếp, tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính và XD mô hình chính quyền địa phương 2 cấp): 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng chẵn).

- Kinh phí để thực hiện một số nhiệm vụ, chế độ, chính sách (KP liên quan đến hoạt động xác định giá đất và tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất): 510.000.000 đồng (Năm trăm mười triệu đồng chẵn).

- Kinh phí để thực hiện một số nhiệm vụ, chế độ, chính sách (KP làm giàu, làm sạch CSDL dân cư): 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng chẵn).

- Kinh phí để thực hiện chính sách hỗ trợ địa phương sản xuất lúa: 1.065.683.000 đồng (Một tỷ không trăm sáu mươi năm triệu sáu trăm tám mươi ba nghìn đồng chẵn).

5. Phòng Văn hoá - xã hội : 1.287.000.000 đồng

Nguồn kinh phí: Ngân sách cấp trên hỗ trợ.

- Kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ (KP hỗ trợ đảm bảo cơ sở vật chất phục vụ sắp xếp, tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính và XD mô hình chính quyền địa phương 2 cấp): 400.000.000 đồng. (Bốn trăm triệu đồng chẵn).

- Kinh phí để thực hiện một số nhiệm vụ, chế độ, chính sách (KP hỗ trợ mai táng phí theo Nghị định số 150/2006/NĐ-CP, Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg và Quyết định 62/2011/QĐ-TTg, Quyết định 40/2011/QĐ-TTg): 187.000.000 đồng (Một trăm tám mươi bảy triệu đồng chẵn).

- Kinh phí thực hiện một số nhiệm vụ, chế độ, chính sách năm 2025 (KP thực hiện chính sách hỗ trợ chi phí học tập và miễn giảm học phí): 700.000.000 đồng (Bảy trăm triệu đồng chẵn).

6. Trung tâm phục vụ hành chính công: 136.000.000 đồng.

Nguồn kinh phí: Ngân sách cấp trên hỗ trợ.

- Kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ (KP hỗ trợ đảm bảo cơ sở vật chất phục vụ sắp xếp, tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính và XD mô hình chính quyền địa phương 2 cấp): 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng chẵn).

- Kinh phí thực hiện một số nhiệm vụ, chế độ, chính sách năm 2025 (KP thực hiện chế độ hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức làm việc tại bộ phận một cửa theo Nghị quyết số 13/NQ-HĐND): 86.000.000 đồng (Tám mươi sáu triệu đồng chẵn).

7, Kinh phí các cơ sở giáo dục: Trường Mầm Non, trường Tiểu học, trường THCS trên địa bàn xã (KP đảm bảo tiền tăng lương cho giáo viên, KP chuyển xếp lương giáo viên, KP thực hiện chính sách hỗ trợ chi phí học tập và miễn giảm học phí): 2.875.000.000 đồng (Hai tỷ tám trăm bảy mươi năm triệu đồng chẵn).

(Có bản phụ lục chi tiết kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Các phòng ban, các đơn vị dự toán có trách nhiệm quản lý, sử dụng, thanh, quyết toán khoản kinh phí nêu tại Điều 1, Quyết định này đúng mục đích và chế độ tài chính hiện hành của Nhà nước.

2. Phòng Kinh tế chủ trì, phối hợp với KBNN khu vực V - Phòng giao dịch số 7 tổ chức thực hiện kinh phí tại Điều 1, Quyết định này theo quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký;

Chánh Văn phòng HĐND&UBND xã, Trưởng phòng Kinh tế, KBNN khu vực V - Phòng giao dịch số 7 và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN



Lưu Thị Nghiêm



PHỤ LỤC
BỔ SUNG DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
ĐƠN VỊ: TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG

(Kèm theo Quyết định số: 1322/QĐ-UBND ngày 14/11/2025 của UBND xã Hải Tiến)

Mã đơn vị sử dụng ngân sách: 1150467

Chương: 833

ĐVT: đồng

STT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN
1	Quản lý nhà nước	136.000.000
+	Quản lý nhà nước: KP hỗ trợ các xã để thực hiện một số nhiệm vụ, chế độ, chính sách (Loại 340 - Khoản 341 - Mã nguồn 12)	86.000.000
+	Quản lý nhà nước: KP hỗ trợ các xã để thực hiện nhiệm vụ (Loại 340 - Khoản 341 - Mã nguồn 15)	50.000.000
TỔNG CỘNG		136.000.000



PHỤ LỤC

BỘ SƯNG DỤ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

ĐƠN VỊ: ỦY BAN MẶT TRẬN TỔ QUỐC XÃ

(Kèm theo Quyết định số: 1322/QĐ-UBND ngày 14/11/2025 của UBND xã Hải Tiến)

Mã đơn vị sử dụng ngân sách: 1154068

Chương: 820

ĐVT : đồng

STT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN
1	Quản lý nhà nước	334.000.000
+	KP để thực hiện một số nhiệm vụ, chế độ, chính sách (Loại 340 - Khoản 361 - Mã nguồn 12)	134.000.000
+	KP để tổ chức Đại hội Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp tỉnh Ninh Bình nhiệm kỳ 2025-2026 (Loại 340 - Khoản 361 - Mã nguồn 15)	200.000.000
TỔNG CỘNG		334.000.000



PHỤ LỤC
BỔ SUNG DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

ĐƠN VỊ: PHÒNG KINH TẾ

(Kèm theo Quyết định số: 1322/QĐ-UBND ngày 14/11/2025 của UBND xã Hải Tiến)

Mã đơn vị sử dụng ngân sách: 1150471

Chương: 831

DVT: đồng

STT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN	Ghi chú
1	Quản lý nhà nước	350.000.000	
+	KP hỗ trợ các xã để thực hiện nhiệm vụ (Loại 340 - Khoản 341 - Mã nguồn 15)	100.000.000	
+	Kinh phí để thực hiện một số nhiệm vụ (Loại 340 - Khoản 341 - Mã nguồn 12)	250.000.000	
2	Chi sự nghiệp kinh tế	1.925.683.000	
-	Nông nghiệp và dịch vụ nông nghiệp (Loại 280 - Khoản 281)	1.065.683.000	
+	Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ địa phương sản xuất lúa năm 2025 (Mã nguồn 15)	1.065.683.000	
-	Tư vấn, QH trong lĩnh vực KT, XH (Loại 280 - Khoản 332)	860.000.000	
+	Kinh phí liên quan đến xác định giá đất và tổ chức đấu giá đất, đo đạc.. (Mã nguồn 12)	510.000.000	
+	Kinh phí làm giàu, làm sạch cơ sở dữ liệu đất đai, ... (Mã nguồn 12)	350.000.000	
TỔNG CỘNG 1 + 2		2.275.683.000	



PHỤ LỤC
BỘ SUNG DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(theo hình thức bằng lệnh chi tiền)

ĐƠN VỊ: VĂN PHÒNG ĐẢNG ỦY XÃ

(Kèm theo Quyết định số: 1322/QĐ-UBND ngày 14/11/2025 của UBND xã Hải Tiến)

Mã đơn vị sử dụng ngân sách: 1154069

Chương: 819

DVT : đồng

STT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN
*	Quản lý nhà nước (Loại 340 - Khoản 351)	587.000.000
+	KP hỗ trợ các xã để thực hiện nhiệm vụ (Mã nguồn 15)	400.000.000
+	KP hỗ trợ các xã để thực hiện một số nhiệm vụ, chế độ, chính sách (Nguồn 12)	187.000.000
TỔNG CỘNG		587.000.000



PHỤ LỤC

BỔ SUNG DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

ĐƠN VỊ: VĂN PHÒNG HĐND - UBND XÃ

(Kèm theo Quyết định số: 1322/QĐ-UBND ngày 14/11/2025 của UBND xã Hải Tiến)

Mã đơn vị sử dụng ngân sách: 1150470

Chương: 830

ĐVT: đồng

STT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN	Ghi chú
I	Quản lý nhà nước (Loại 340 - Khoản 341)	237.000.000	
1	KP hỗ trợ các xã để thực hiện nhiệm vụ (Mã nguồn 15)	50.000.000	
2	KP hỗ trợ các xã để thực hiện một số nhiệm vụ, chế độ, chính sách (Nguồn 12)	187.000.000	
II	Chi Quốc phòng (Loại 010 - Khoản 011)	562.000.000	
1	KP thực hiện quốc phòng: Công tác tuyển quân... (Mã nguồn 12)	400.000.000	
2	KP đảm bảo chế độ phụ cấp đối với DQTV (Mã nguồn 12)	162.000.000	
TỔNG CỘNG		799.000.000	



PHỤ LỤC
BỘ SUNG DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
ĐƠN VỊ: PHÒNG VĂN HÓA XÃ HỘI

(Kèm theo Quyết định số 1322/QĐ-UBND ngày 14/11/2025 của UBND xã Hải Tiến)

Mã đơn vị sử dụng ngân sách: 1150469

Chương: 832

ĐVT : đồng

STT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN
1	Quản lý nhà nước (Loại 340 - Khoản 341)	400.000.000
+	KP hỗ trợ các xã để thực hiện nhiệm vụ (Mã Nguồn 15)	400.000.000
2	Đảm bảo xã hội	887.000.000
+	KP hỗ trợ mai táng phí theo Nghị định số 150/2006/NĐ-CP, Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg và Quyết định 62/2011/QĐ-TTg, Quyết định 40/2011/QĐ-TTg (Loại 370 - Khoản 371 - Mã nguồn 12)	187.000.000
3	Chi sự nghiệp giáo dục đào tạo: KP thực hiện chính sách hỗ trợ miễn giảm học phí (Loại 070)	700.000.000
+	Khối các trường đại học (Loại 070 - Khoản 081 - Mã nguồn 12)	10.885.000
+	Khối các trường Trung Cấp (Loại 070 - Khoản 092 - Mã nguồn 12)	632.975.000
+	Khối các trường Cao đẳng (Loại 070 - Khoản 093 - Mã nguồn 12)	56.140.000
TỔNG CỘNG		1.287.000.000



PHỤ LỤC BỔ SUNG DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
KINH PHÍ THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ MIỄN GIÁM HỌC PHÍ THEO NGHỊ ĐỊNH 238/2025/NĐ-CP ĐỢT 1,
HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP NĂM HỌC 2025-2026 CHO CÁC TRƯỜNG MẦM NON, TIỂU HỌC, THCS XÃ HẢI TIẾN

(Kèm theo Quyết định số: 1322/QĐ-UBND ngày 14/11/2025 của UBND Xã Hải Tiến)

STT	Trường	Mã QHNS	Chương - Khoản	Nhu cầu kinh phí năm học 2025-2026						Kinh phí cấp bổ sung năm 2025 (Mã nguồn 12 - KP không thực hiện tự chủ)		
				Kinh phí miễn giảm học phí kỳ 1							Kinh phí hỗ trợ chi phí học tập	Tổng nhu cầu kinh phí thực hiện chế độ chính sách kỳ I năm học 2025-2026
				Số học sinh	Học phí	Số tháng	Nhu cầu kinh phí	Kinh phí cấp Đợt 1	Kinh phí còn lại chưa cấp			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10=8-9	11	12=8+11	15=9+11
	TỔNG CỘNG						3.017.520.000	1.669.400.000	1.348.120.000	24.600.000	3.042.120.000	1.694.000.000
1	Trường Mầm non Cồn	1129461	822-071	419	160.000	4	268.160.000	162.000.000	106.160.000		268.160.000	162.000.000
2	Trường Mầm non Hải Lý	1129449	822-071	665	160.000	4	425.600.000	261.560.000	164.040.000		425.600.000	261.560.000
3	Trường Mầm non Hải Chính	1129458	822-071	368	160.000	4	235.520.000	162.000.000	73.520.000		235.520.000	162.000.000
4	Trường Mầm non Hải Tân	1129439	822-071	393	160.000	4	251.520.000	152.400.000	99.120.000	600.000	252.120.000	153.000.000
5	Trường Mầm non Hải Sơn	1129440	822-071	303	160.000	4	193.920.000	144.800.000	49.120.000	600.000	194.520.000	145.400.000
6	Trường Tiểu học Cồn	1102673	822-072	795		4			-	3.000.000	3.000.000	3.000.000
7	Trường Tiểu học Hải Lý	1102691	822-072	1.141		4			-	1.800.000	1.800.000	1.800.000
8	Trường Tiểu học Hải Chính	1107988	822-072	574		4			-	1.200.000	1.200.000	1.200.000
9	Trường Tiểu học Hải Sơn	1108000	822-072	522		4			-	3.600.000	3.600.000	3.600.000
10	Trường THCS Cồn	1001415	822-073	663	150.000	4	397.800.000	187.720.000	210.080.000	2.400.000	400.200.000	190.120.000
11	Trường THCS Hải Lý	1001436	822-073	845	150.000	4	507.000.000	236.600.000	270.400.000	3.600.000	510.600.000	240.200.000
12	Trường THCS Hải Chính	1004622	822-073	365	150.000	4	219.000.000	116.200.000	102.800.000	2.400.000	221.400.000	118.600.000
13	Trường THCS Hải Tân	1080195	822-073	416	150.000	4	249.600.000	120.400.000	129.200.000	600.000	250.200.000	121.000.000
14	Trường THCS Hải Sơn	1010125	822-073	449	150.000	4	269.400.000	125.720.000	143.680.000	4.800.000	274.200.000	130.520.000

Dvt: đồng

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ HẢI TIỀN



Phụ lục

BỘ SƯNG DƯ TỐÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025 CHO CÁC TRƯỜNG MẦM NON, TIỂU HỌC, THCS KINH PHÍ ĐẢM BẢO TIỀN LƯƠNG, TĂNG LƯƠNG, TẶNG LƯƠNG, CHUYỂN XẾP LƯƠNG CHO GIÁO VIÊN

(Kèm theo Quyết định 1322/QĐ-UBND ngày 14/11/2025 của UBND xã Hải Tiến)

TT	Đơn vị	Mã đơn vị QHNS	Chương - Khoản	Tổng cộng (Mã nguồn 13 - Kinh phí thực hiện tự chủ)	Kinh phí tăng lương cấp bổ sung	Kinh phí chuyển xếp lương	Ghi chú
A	B	C	D	1=2+3	2	3	4
	Tổng cộng			1.181.000.000	811.000.000	370.000.000	
1	Trường Mầm non Hải Lý	1129449	822-071	93.874.000	70.820.000	23.054.000	
2	Trường Mầm non Hải Sơn	1129440	822-071	90.313.000	90.313.000	0	
3	Trường Mầm non Còn	1129461	822-071	117.452.000	74.989.000	42.463.000	
4	Trường Mầm non Hải Tân	1129439	822-071	97.089.000	57.290.000	39.799.000	
5	Trường Mầm non Hải Chính	1129458	822-071	1.523.000	1.229.000	294.000	
6	Trường Tiểu học Còn	1102673	822-072	124.470.000	124.470.000	0	
7	Trường Tiểu học Hải Sơn	1108000	822-072	60.022.000	52.460.000	7.562.000	
8	Trường Tiểu học Hải Lý	1102691	822-072	59.776.000	40.017.000	19.759.000	
9	Trường Tiểu học Hải Tân	1108001	822-072	69.692.000	46.376.000	23.316.000	
10	Trường Tiểu học Hải Chính	1107988	822-072	91.645.000	45.372.000	46.273.000	
11	Trường THCS Hải Lý	1001436	822-073	107.877.000	62.271.000	45.606.000	
12	Trường THCS Hải Sơn	1010125	822-073	58.445.000	14.868.000	43.577.000	
13	Trường THCS Hải Tân	1080195	822-073	80.943.000	73.665.000	7.278.000	
14	Trường THCS Còn	1001415	822-073	87.485.000	49.470.000	38.015.000	
15	Trường THCS Hải Chính	1004622	822-073	40.394.000	7.390.000	33.004.000	

Đơn vị: đồng